

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 16 /2022/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 04 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức;
nâng ngạch công chức; thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Viên chức số 58/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 1907/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức; thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức; thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

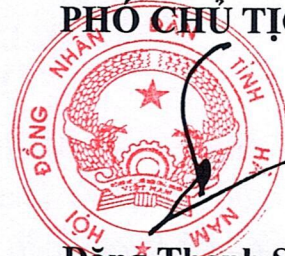
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Khóa XIX, Kỳ họp thứ tám (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022) thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL-BTP;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, GD và ĐT; KBNN tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Thanh Sơn



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức; thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Nam

*(Kèm theo Nghị quyết số: 16/2022/NQ-HĐND
ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức; thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc chi trả chế độ được tính theo thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ trong các kỳ thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; thi hoặc xét nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Trường hợp các đối tượng nêu tại Điều 2 Quy định này thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ trong cùng thời điểm, thì được hưởng 01 mức bồi dưỡng cao nhất.

3. Các khoản chi phát sinh theo thực tế phục vụ công tác tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; thi hoặc xét nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Nam, không quy định mức chi tại văn bản này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán được giao.

Điều 4. Nội dung, mức chi

STT	Nội dung	Mức chi (1.000đ)
1	Chi biên soạn nội dung tài liệu và hướng dẫn ôn tập	
	Chi biên soạn nội dung tài liệu	1.000/ngày/người
	Chi bồi dưỡng cho giảng viên, báo cáo viên cấp tỉnh	600/người/buổi
	Chi bồi dưỡng cho giảng viên, báo cáo viên cấp huyện	500/người/buổi

2	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi	
	Xây dựng, phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả	250/ngày/người
	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	40/câu
	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	25/câu
	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	15/câu
	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	5/câu
3	Tiền công ra đề thi	
	Xây dựng, phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả	250/ngày/người
	Ra đề đề xuất với đề thi tự luận	670/đề
	Tiền công ra đề chính thức, dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm (theo ngày thực tế ra đề)	560/ngày/người
4	Tiền công chấm thi	
	Bài tự luận	65/bài
	Bài trắc nghiệm	5/bài
5	Chi tiền công Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng	370/ngày/người
	Phó Chủ tịch Hội đồng	290/ngày/người
	Ủy viên Hội đồng, thư ký	230/ngày/người
6	Chi tiền công Ban phách	
	Trưởng ban	390/ngày/người
	Thành viên, Thư ký	260/ngày/người
7	Chi tiền công Ban Giám sát	
	Trưởng ban	310/ngày/người
	Thành viên, Thư ký	210/ngày/người
8	Chi tiền công Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo	
	Trưởng ban	310/ngày/người
	Thành viên, thư ký	210/ngày/người

9	Chi tiền công Ban coi thi	
	Trưởng ban	310/ngày/người
	Phó Trưởng ban	260/ngày/người
	Thành viên, thư ký	210/ngày/người
10	Chi tiền công Ban Kiểm tra, sát hạch (để thực hiện phỏng vấn, thực hành)	
	Trưởng ban	310/ngày/người
	Thành viên, thư ký	210/ngày/người
11	Chi tiền công Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển; Ban Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	
	Trưởng ban	310/ngày/người
	Thành viên, thư ký	210/ngày/người
12	Chi tiền công Ban đề thi	
	Trưởng ban	450/ngày/người
	Thành viên, thư ký	300/ngày/người
13	Chi tiền công Tổ in sao đề thi	
	Tổ trưởng	390/ngày/người
	Thành viên	260/ngày/người
14	Chi tiền công các bộ phận phục vụ gián tiếp	
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng trong	210/ngày/người
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài; thành viên tổ thư ký giúp việc	130/ngày/người

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Nguồn thu phí dự tuyển được trích lại.
3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật./.